ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ SƠN KỲ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 126 /BC-UBND	*Sơn Kỳ, ngày 15 tháng 9 năm 2025*

BÁO CÁO
Kết quả đánh giá sơ kết sản xuất trồng trọt năm 2025; triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2025-2026

Thực hiện Công văn số 2467/SNNMT-TTBVTV ngày 26/8/2025 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về việc báo cáo sơ kết sản xuất vụ Hè Thu 2025 và triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2025-2026. UBND xã Sơn Kỳ báo cáo cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT NĂM 2025

1. Thuận lợi

Năm 2025, sản xuất trồng trọt trên địa bàn xã có nhiều yếu tố thuận lợi. Được sự quan tâm, chỉ đạo của Thường trực Đảng uỷ; sự chủ động trong công tác điều hành của tập thể UBND xã, cùng với sự phối hợp đồng bộ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị – xã hội, cơ quan chuyên môn và các thôn, công tác tuyên truyền, vận động đã được triển khai rộng rãi và sâu sát đến từng hộ nông dân. Nhờ đó, ý thức của người dân trong việc bảo vệ mùa màng, phòng trừ sinh vật gây hại và chủ động thực hiện các biện pháp sản xuất an toàn, hiệu quả ngày càng được nâng cao.

Hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất như kênh mương thủy lợi, hồ chứa nước được quan tâm đầu tư nâng cấp, sửa chữa kịp thời, đảm bảo cung cấp nước tưới ổn định trong suốt vụ sản xuất. Bên cạnh đó, nhận thức của nông dân về việc ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt ngày càng được nâng cao; người dân đã biết lựa chọn giống tốt, tăng cường đầu tư thâm canh, qua đó góp phần nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng trên địa bàn xã.

Ngoài ra, các thôn và bà con nông dân đã chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện phục vụ sản xuất như giống, vật tư nông nghiệp, làm đất, vệ sinh đồng ruộng, nạo vét kênh mương nội đồng… tạo tiền đề thuận lợi để bước vào vụ sản xuất mới đạt kết quả tốt.

2. Khó khăn

- Diễn biến tình hình về thời tiết ngày càng phức tạp, hiện tượng biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất trồng trọt trên địa bàn xã.

- Sâu bệnh hại thường xuyên xuất hiện và gây hại phổ biến và bất thường không theo quy luật ngày càng tác động và trở nên phổ biến.

- Những biến động bất lợi về thị trường và giá cả nông sản cũng là những thách thức mới ảnh hưởng trực tiếp đến đầu ra của sản phẩm nông nghiệp.

- Giá phân bón, vật tư nông nghiệp đầu vào, một số loại tuy có giảm nhẹ nhưng nhiều loại vẫn ở mức cao làm hạn chế khả năng đầu tư của bà con.

- Việc phát triển và nhân rộng các mô hình chuyển đổi còn nhiều hạn chế, giá cả thị trường không ổn định, chưa có sự liên kết giữa doanh nghiệp tiêu thụ nông sản với nông dân sản xuất, là nguyên nhân hạn chế lớn trong việc phát triển sản xuất trồng trọt hiện nay.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT NĂM 2025

1. Đánh giá kết quả tăng trưởng của ngành trồng trọt 9 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2025

1.1. Kết quả tăng trưởng 9 tháng đầu năm và ước cả năm 2025

Tăng trưởng ngành trồng trọt 9 tháng đầu năm: sản lượng cây lương thực đạt 102% so cùng kỳ 2024, trong đó lúa ước đạt 50,57 tạ/ha, ngô 36,6 tạ/ha, Đậu các loại 23,29 tạ/ha...

- Ước tăng trưởng cả năm 2025 là 101%

1.2. Thuận lợi, khó khăn:

- Thuận lợi:

+ Đất đai, khí hậu và nguồn nước là những tài nguyên quý giá phục vụ cho sản xuất trồng trọt.

+ Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã giúp nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng và khả năng chống chịu dịch bệnh.

+ Nhà nước có nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ nông sản, tạo động lực phát triển cho ngành.

+ Thị trường trong nước ngày càng mở rộng, nhu cầu về nông sản sạch, an toàn tăng cao tạo điều kiện cho sản xuất phát triển.

- Khó khăn:

+ Sự bùng phát của các loại sâu bệnh hại cây trồng có thể làm giảm năng suất và chất lượng nông sản.

+ Giá vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ngày càng tăng dẫn đến chi phí sản xuất cao, làm giảm lợi nhuận cho nông dân.

+ Giá cả nông sản thường không ổn định, thị trường tiêu thụ biến động, khiến nông dân khó khăn trong việc dự báo sản xuất và tiêu thụ.

+ Sản xuất theo quy mô nhỏ lẻ, manh mún, phân tán, thiếu quy hoạch, dẫn đến chất lượng sản phẩm không đồng đều và khó cạnh tranh trên thị trường.

+ Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn chậm, đặc biệt là các giải pháp kỹ thuật tiên tiến để nâng cao hiệu quả và tính bền vững.

2. Kết quả sản xuất trồng trọt năm 2025

2.1. Kết quả sản xuất trồng trọt vụ Đông xuân 2024 - 2025, vụ Hè thu, Mùa và cả năm 2025

a) Cây hàng năm:

* Đánh giá sản xuất trồng trọt vụ Đông xuân 2024 – 2025, vụ Hè thu, Mùa năm 2025 và ước cả năm 2025: diện tích, năng suất, sản lượng lúa và cây ngắn ngày; so sánh với kế hoạch sản xuất và cùng kỳ năm 2024.

+ Cây lúa: Diện tích 447,4 ha (đạt 50,33% kế hoạch 889 ha), năng suất 50,57 tạ/ha (đạt 95.98% kế hoạch 52,67 tạ/ha), sản lượng 2.262,50 tấn (đạt 48.32% kế hoạch 4.682,47 tấn).

+ Cây ngô: Diện tích 11,1 ha (đạt 52,86% kế hoạch 21 ha), năng suất 36,6 tạ/ha (đạt 103,30% kế hoạch 35,43 tạ/ha), sản lượng 40,63 tấn (đạt 54,60% kế hoạch 74,4 tấn).

- Cây mì (sắn): Diện tích trồng 1.097,75 ha (đạt 94,84% kế hoạch 1.157,5 ha).

- Đậu lạc: Diện tích 1,1 ha (đạt 44,0% kế hoạch 2,5 ha), năng suất 23,29 tạ/ha (đạt 95,37% kế hoạch 24,4 tạ/ha), sản lượng 2,56 tấn (đạt 42,0% kế hoạch 6,1 tấn).

- Đậu các loại: Diện tích 4,2 ha (đạt 58,33% kế hoạch 7,2 ha), năng suất 9,38 tạ/ha (đạt 100,21% kế hoạch 9,36 tạ/ha), sản lượng 3,94 tấn (đạt 58,46% kế hoạch 6,74 tấn).

- Rau các loại: Diện tích 15,62 ha (đạt 55,19% kế hoạch 28,3 ha), năng suất 66,21 tạ/ha (đạt 87,09% kế hoạch 76,02 tạ/ha), sản lượng 103,42 tấn (đạt 48,07% kế hoạch 215,14 tấn).

Sản lượng các loại cây trồng (lúa, đậu lạc, rau các loại) chưa đạt so với kế hoạch do chịu ảnh hưởng từ sâu bệnh, chuột gây hại và thời tiết bất lợi. Bệnh khảm lá trên cây sắn chiếm tỷ lệ khá cao (khoảng trên 80%) diện tích cây sắn đã xuống giống. Nguyên nhân, hiện nay trên địa bàn xã không có nguồn giống sạch bệnh để xuống giống, người dân vẫn sử dụng hom giống từ vụ trước nên dẫn đến cây bị nhiễm bệnh chiếm tỷ lệ cao.

* Cơ cấu giống lúa vụ Đông xuân 2024 – 2025, Hè thu, Mùa năm 2025 (tỷ lệ 05 loại giống sử dụng phổ biến nhất trong tỉnh); so với cùng kỳ năm 2024. Kết quả thực hiện giảm lượng giống lúa gieo sạ vụ Đông xuân 2024 – 2025, Hè thu, Mùa và cả năm 2025.

+ Cơ cấu giống Giống chủ lực: Bắc Thịnh, Thiên ưu 8, Hà phát 3, QNg13; Giống bổ sung: QNg128, Thiên Hương 6 (QNg6).

* Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa vụ Đông xuân 2024 – 2025, Hè thu, Mùa năm 2025 và cả năm 2025; so sánh với năm 2024; Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất khác.

+ Chuyển đổi cơ cấu cây trồng thực hiện trong vụ Hè thu năm 2025 với tổng diện tích 16,7 ha (diện tích lúa thiếu nước chuyển qua các loại cây khác như: Lạc, Ngô, Đậu, …) tại các thôn trên địa bàn xã.

Nhìn chung, việc thực hiện chủ trương chuyển đổi cây trồng luân canh trên đất lúa sản xuất kém hiệu quả còn mang tính tự phát; chưa có kế hoạch, phương án cụ thể chi tiết, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất ruộng một vụ còn manh mún, chưa tập trung, chưa đồng bộ về thời vụ, vùng chuyển đổi, cây trồng và kỹ thuật, tổ chức sản xuất… nên khi thực hiện đạt hiệu quả chưa cao.

b) Cây lâu năm:

Hiện nay trên địa bàn xã có trồng các loại cây ăn quả với hình thức nhỏ lẻ không tập trung tại các hộ nông dân như: Cam, Quýt, Bưởi, Ổi,... hầu hết các hộ dân trồng theo hình thức tự phát. Trong thời gian tới xã sẽ định hướng và quy hoạch, phát triển vùng cây ăn quả theo hướng tập trung và liên kết.

2.2. Diện tích cánh đồng lớn và sản xuất có chứng nhận các loại cây trồng vụ Đông xuân 2024 - 2025, Hè thu, Mùa năm 2025.

Trên địa bàn xã hiện nay không có diện tích thực hiện cánh đồng mẫu lớn. Trong thời gian tới xã sẽ quy hoạch và phát triển diện tích cánh đồng lớn và sản xuất có chứng nhận các loại cây trồng.

3. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

- Trong năm 2025, tình hình sâu bệnh phát sinh gây hại gồm các loại như bệnh đạo ôn lá gây hại trên lúa, sâu cuốn lá nhỏ gây hại trên lúa, bọ xít dài, chuột gây hại lúa.

- Bệnh khảm lá trên cây sắn chiếm tỷ lệ cao (khoảng trên 96%) diện tích cây sắn đã xuống giống. Nguyên nhân, hiện nay trên địa bàn xã không có nguồn giống sạch bệnh để xuống giống, người dân vẫn sử dụng hom giống từ vụ trước nên dẫn đến cây bị nhiễm bệnh chiếm tỷ lệ cao.

- UBND xã sẽ chỉ đạo các phòng ban chuyên môn theo dõi dự báo sâu, bệnh hại, hướng dẫn kỹ thuật phòng trừ trên cây trồng ngay từ đầu vụ sản xuất; xây dựng kế hoạch diệt chuột bảo vệ sản xuất nông nghiệp.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHÁC

1. Kết quả triển khai thực hiện các đề án, chương trình của ngành trồng trọt và BVTV tại địa phương

Tại xã tình hình triển khai các đề án về cây công nghiệp, cây ăn quả, tái cơ cấu lúa gạo, sắn, IPHM, phân bón hữu cơ, thuốc BVTV sinh học cho thấy sự chú trọng vào việc xây dựng vùng chuyên canh, áp dụng khoa học kỹ thuật, liên kết chuỗi giá trị, và phát triển bền vững, nhưng vẫn còn nhiều thách thức như quy mô sản xuất nhỏ, cơ sở hạ tầng yếu kém, và sự thiếu đồng bộ trong quá trình tái cơ cấu. Tại xã đang nỗ lực cụ thể hóa mục tiêu đề án, trong khi việc kết nối cung cầu và chuyển đổi mô hình sản xuất còn nhiều điểm cần khắc phục để đạt hiệu quả cao hơn.

2. Hệ thống tổ chức ngành trồng trọt và BVTV của địa phương

Hiện trạng hệ thống tổ chức ngành trồng trọt và BVTV của xã sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, giao cho Phòng Kinh tế xã và Trung tâm cung ứng Dịch vụ công của xã theo dõi và báo cáo, cán bộ trực tiếp theo dõi và tổng hợp là cán bộ kiêm nhiệm không có chuyên môn về nông nghiệp, trồng trọt, Bảo vệ thực vật. Nên rất khó khăn trong quá trình dự báo và theo dõi tình hình sâu bệnh gây hại trên cây trồng cho cơ quan cấp trên.

3. Công tác quản lý vật tư nông nghiệp và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, ATTP và KDTV nội địa trên địa bàn tỉnh

3.1. Công tác quản lý vật tư nông nghiệp

UBND xã sẽ thành lập các đoàn tăng cường việc thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân hành nghề kinh doanh các loại giống cây trồng, vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhằm hạn chế tối đa hàng giả, hàng kém phẩm chất,… Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra.

3.2. Công tác cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

Hiện nay tại xã Sơn Kỳ chưa thực hiện việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói nguyên nhân khâu sản xuất, trồng các loại cây còn manh tính nhỏ lẻ. Không tập trung vùng trồng.

3.3. Công tác quản lý an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật nội địa

Trong thời gian tới UBND cấp xã sẽ kiện toàn và thành lập các đoàn để tổ chức quản lý theo đúng quy định.

3.4. Thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị

Thuận lợi: Nâng cao giá trị, khả năng cạnh tranh của nông sản, đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu; tăng cường sự minh bạch, truy xuất nguồn gốc; thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và quản lý nhà nước hiệu quả hơn.

Khó khăn: Nhận thức về tầm quan trọng của công tác các loại giống cây trồng, vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đầy đủ của hộ dân tình trạng hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc còn phổ biến.

Đề xuất, kiến nghị: Tăng cường tập huấn nâng cao nhận thức cho nông dân, về vai trò của mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói và các quy định về an toàn thực phẩm; nâng cao năng lực giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và truy xuất nguồn gốc; tăng cường phối hợp giữa các cấp, ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

4. Công tác đào tạo, tập huấn, chuyển giao TBKT và thúc đẩy hỗ trợ ngành hàng tại địa phương

4.1. Công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tại địa phương

Trong thời gian tới UBND xã sẽ đẩy mạnh việc đào tạo tập huấn cho cán bộ phụ trách chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp, Ban cán sự các thôn và các hộ nông dân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã. Nhằm chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng.

4.2. Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất

UBND xã và các tổ chức chính trị và các phòng ban có liên quan của xã, sẽ tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo; đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và phòng chống sinh vật gây hại như: Chương trình IPM, IPHM, ba giảm ba tăng, canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu,...

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2025 - 2026 VÀ CẢ NĂM 2026

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

1. Nhận định tình hình thời tiết khí hậu, nguồn nước, tình hình khô hạn vụ Đông xuân 2025 – 2026 trên địa bàn tỉnh.

- Tình hình thời tiết vụ Đông xuân 2025 - 2026 diễn biến phức tạp và bất lợi về nhiệt độ, độ ẩm và tránh các hiện tượng bất lợi như mưa kéo dài, ngập úng hoặc rét đậm hay xảy ra mưa bảo và lũ lụt ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Do đó, để thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất đề ra, cần tập trung chỉ đạo đẩy mạnh đầu tư thâm canh, tăng cường công tác thủy lợi phục vụ sản xuất; chú trọng khả năng lưu chứa của các hồ, đập; kiên cố hóa kênh mương, sử dụng hợp lý nguồn nước tưới bảo đảm phục vụ cho làm đất và tưới dưỡng cho lúa cũng như cây trồng cạn. Chủ động nguồn cung ứng về số lượng, chủng loại giống, phân bón, vật tư nông nghiệp khác phục vụ sản xuất.

- Chủ động chuyển đổi những diện tích đất không chủ động nước, diện tích cấy lúa kém hiệu quả sang trồng các cây màu có giá trị kinh tế cao; tận dụng triệt để diện tích đất bãi bồi, đồi thấp để tăng diện tích gieo trồng.

- Kiên quyết sử dụng cơ cấu giống lúa có thời gian sinh trưởng trung, ngắn ngày, có năng suất và chất lượng khá, cứng cây chống đổ ngã nhằm rút ngắn thời gian, thu hoạch sớm;

2. Kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân 2025 - 2026

- Kế hoạch sản xuất lúa, cây rau màu và cây trồng khác; thời vụ, cơ cấu giống lúa cụ thể cho từng vùng; kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa và trên đất khác.

Đối với cây lúa:

+ Trà chính vụ: Gieo sạ từ ngày 15/12 đến 31/12/2025 đối với các giống lúa có thời gian sinh trưởng (TGST) từ 105 ngày đến dưới 115 ngày.

+ Trà muộn: Gieo sạ từ ngày 01/01/2026 đến 10/01/2026 đối với các giống lúa có TGST dưới 105 ngày.

*. Cơ cấu giống lúa:

- Giống chủ lực: ĐH815-6, Bắc Thịnh, Thiên ưu 8, Thiên Hương 6, Hà Phát 3, DT45, Đài Thơm 8, QNg13, ML232, TBR225, HN6, MT10.

- Giống bổ sung: Hương Xuân, QNg128, VNR20, ĐT100, TBR1, HĐ34, KD28, TBT132.

- Giống triển vọng: VNR10, TBR97, PC6, HG12, BĐR999, BĐR57, PY2.

Ngoài các giống nêu trên, tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương có thể lựa chọn và sử dụng những giống lúa đã được công nhận chính thức được phép sản xuất, kinh doanh hoặc đã được cấp quyết định lưu hành giống tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ để gieo sạ.

Đối với cây trồng khác:

Căn cứ vào đặc điểm tình hình, chân đất, thời gian sinh trưởng, mục đích sử dụng, khả năng thâm canh của từng vùng trong xã để lựa chọn các giống phù hợp.

Ngoài ra, tại xã cũng tập trung thực hiện các giải pháp về bảo vệ thực vật, thủy lợi, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp;...

3. Kế hoạch sản xuất năm 2026

+ Đối với vùng chủ động có đủ nước tưới: Khoanh vùng diện tích chủ động bố trí gieo sạ gọn, đồng loạt từng khu, từng vùng theo lịch thời vụ quy định trong khoảng thời gian ngắn nhất nhằm điều tiết, quản lý nước hợp lý, tiết kiệm; tập trung nguồn lực đầu tư thâm canh tăng năng suất và có hiệu quả cao nhất. Kiên quyết không gieo sạ trên những vùng không đảm bảo đủ nước tưới suốt vụ hoặc không có nguồn nước tưới bổ sung. Bố trí sản xuất những giống có thời gian sinh trưởng (TGST) trung đến ngắn ngày từ 95 -105 ngày, giống lúa thuần, lúa lai có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng sâu bệnh; khuyến cáo nông dân sử dụng giống xác nhận có chất lượng và nằm trong cơ cấu theo lịch này.

+ Đối với những vùng không đủ nước tưới cho lúa nhưng vẫn đảm bảo cho cây rau màu ngắn ngày hoặc những vùng không còn nước tưới nhưng khai thác được nguồn nước khác bổ sung (*nước ngầm, nước tận dụng hồ, đập, sông suối…*), nên chỉ đạo chuyển đổi sang cây trồng cạn (*ngô, lạc, đậu xanh, mè, rau các loại như dưa, cà, bí…*) vừa đảm bảo được nguồn nước tận dụng vừa đảm bảo hiệu quả trong sản xuất tương đương và có khả năng cao hơn sản xuất lúa. Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý khi chuyển đổi cây trồng là: Đất đai, thổ nhưỡng phù hợp với sản xuất cây trồng cạn; Chọn lựa cây trồng phù hợp, có thị trường dễ tiêu thụ; Sử dụng quy trình kỹ thuật theo thiết kế hệ thống băng, liếp, tưới và tiêu úng; hướng dẫn kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh.

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT

- Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến hộ nông dân về thời vụ gieo trồng, quy trình kỹ thuật đầu tư thâm canh lúa và các loại cây trồng, sử dụng tốt lực lượng khuyến nông, kiểm tra nắm chắc tình hình đất đai, vật tư phân bón, thuốc BVTV, giống cây trồng để có kế hoạch chỉ đạo triển khai thực hiện.

- Các cơ quan chuyên môn của xã và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tập trung lãnh đạo, huy động cán bộ xuống cơ sở để kiểm tra, hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc tại cơ sở, nhất là khi thời tiết bất lợi xảy ra, đề xuất hướng xử lý kịp thời khôi phục sản xuất do thiên tai, dịch bệnh gây nên; giúp đỡ nông dân giảm bớt những khó khăn, góp phần phát triển sản xuất ổn định, bền vững.

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa; thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt năm 2026 trên địa bàn xã.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước với các hoạt động kinh doanh, dịch vụ đầu vào của sản xuất trồng trọt (*đặc biệt là giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật*).

- Kiểm tra các công trình thủy lợi *(hệ thống hồ, đập tích nước*) phục vụ tưới cho những vùng sản xuất tập trung; kiên cố hóa kênh mương, đồng thời áp dụng các biện pháp điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm để khai thác hiệu quả nguồn nước tưới cho cây cây trồng.

- Thực hiện kịp thời việc hỗ trợ khôi phục sản xuất cho nông dân trong các trường hợp thiên tại, dịch bệnh gây ra đối với sản xuất trồng trọt theo quy định.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, hiện đang được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm lĩnh vực, nhất là các lớp tập huấn ngắn hạn về lĩnh vực nông nghiệp, trồng trọt, bảo vệ thực vật để nâng cao kỹ năng, đáp ứng yêu cầu công việc.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Sơ kết sản xuất trồng trọt năm 2025 và triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân 2025 – 2026, cả năm 2026.

UBND xã Sơn Kỳ kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- Sở NN&MT tỉnh;
- Chi cục TT và BVTV QLCL tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng kinh tế xã;
- Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã;
- Lưu: VT.ThinhLV.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ SƠN KỲ T.QUẢNG NGÃI

Phạm Thị Diễm Châu